

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2021/DS-PT.
Ngày: 20/4/2021.
V/v: “*Tranh chấp về thừa kế*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Luông

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú
Bà Võ Thị Phụng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang:* Bà Dương Thanh Giêng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 15 tháng 4 và ngày 20 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 173/2020/TLPT-DS ngày 08 tháng 12 năm 2020 về việc “*Tranh chấp về thừa kế*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 131/2020/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 33/2021/QĐPT-DS ngày 22 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 31/2021/QĐ-PT ngày 19 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Minh T, sinh năm: 1946.

Địa chỉ: Số 138A, đường A, phường B, quận D, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị R, sinh năm: 1955.

Địa chỉ: Ấp E, xã G, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Đặng Văn D - là luật sư Văn phòng luật sư Đặng D và Cộng Sự thuộc Đoàn luật sư tỉnh Ninh Bình; Địa chỉ: Số 150, Lê Thái Tổ, phường H, thành phố I, tỉnh Ninh Bình.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Huỳnh Thị B, sinh năm 1950.

Địa chỉ: Khu vực K, phường L, thành phố M, tỉnh Hậu Giang.

2. Bà Huỳnh Kim T1, sinh năm 1958.

3. Bà Huỳnh Thị R1, sinh năm 1952.

Cùng địa chỉ: Ấp E, xã G, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

4. Bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1938.

Địa chỉ: Số 11/109A, khu phố N, phường O, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

5. Ông Nguyễn Quốc K

6. Ông Nguyễn Thanh C

7. Ông Nguyễn Văn K1

8. Ông Nguyễn Văn T2

9. Bà Nguyễn Thị H

Cùng địa chỉ: Ấp Q, xã G, huyện C, tỉnh Hậu Giang

Người đại diện theo ủy quyền của ông K, ông C, ông K1, ông T2, bà H là bà Huỳnh Thị R.

(Theo xác định của cấp sơ thẩm)

10. Ông Hồ Minh S (đã chết)

11. Bà Hồ Minh N

12. Ông Hồ Thanh T3

Cùng địa chỉ: Ấp E, xã G, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

(Theo xác định của cấp sơ thẩm)

- *Người kháng cáo*: Bà Huỳnh Thị R là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn ông Huỳnh Minh T đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Kim T1, bà Huỳnh Thị R1, bà Huỳnh Thị M trình bày: Cha mẹ ông là ông Huỳnh Văn Đ và bà Phạm Thị N1. Khi còn sống cha mẹ ông tạo lập được đất ruộng, vườn và thổ cư được cấp quyền sử dụng đất số 00267, ngày 24/11/1997 gồm các thửa 189, 190, 191, 193 tổng diện tích là 22.780m² cho mẹ ông là bà Phạm Thị N1 đứng tên. Năm 2011 bà Phạm Thị N1 qua đời không để lại di chúc. Ông Đ và bà N1 có 08 người con: Huỳnh Thanh P đã chết và chưa có vợ con, Huỳnh Thị M, Huỳnh Thị B1, Huỳnh Minh T, Huỳnh Thị B, Huỳnh Thị R1, Huỳnh Thị R, Huỳnh Kim T1. Bà Huỳnh Thị B1 đã chết vào năm 1994. Bà B1 có 05 người con gồm Nguyễn Quốc K, Nguyễn Thanh Cang, Nguyễn Văn T2,

Nguyễn Văn K1, Nguyễn Thị H. Năm 2013 thì phát sinh tranh chấp đối với phần đất bà N1 để lại. Đối với căn nhà tình nghĩa của bà N1 và phần nền mộ, ông T yêu cầu để lại làm đất thờ cúng, phần còn lại ông yêu cầu được thừa kế theo pháp luật. Đối với phần thừa kế của bà T1, bà R1, bà M đồng ý nhường lại cho ông T.

Tại các biên bản hòa giải và biên bản ghi lời khai bị đơn bà Huỳnh Thị R, đồng thời là đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Thị B, ông Nguyễn Quốc K, ông Nguyễn Thanh C, ông Nguyễn Văn T2, ông Nguyễn Văn K1, bà Nguyễn Thị H trình bày: Gia đình bà có 02 phần đất, khoảng năm 1992 gia đình đã hợp chia đất cho anh em xong. Phần đất đang tranh chấp hiện tại là anh em trong gia đình thống nhất chia cho mẹ là Phạm Thị N1 05 công tầm lớn đất ruộng, cho bà 06 công đất tầm lớn đất ruộng. Còn lại phần đất vườn do ông T bỏ tiền lên liếp nên ông T yêu cầu ai sử dụng thì trả vàng lại nên bà trả cho ông T 06 chỉ vàng 24K và sử dụng toàn bộ phần đất vườn cho đến nay. Lúc thỏa thuận chia đất và trả vàng đều không có làm giấy tờ gì. Phần đất này bà đã sử dụng liên tục khoảng 60 năm nay. Phần đất tranh chấp hiện nay do bà Phạm Thị N1 đứng tên. Bà thống nhất về anh em trong gia đình như nguyên đơn trình bày là đúng.

Phần đất này có 0,5 công là bà sang của ông Trần Hoàng D2 (ở cùng ấp) với giá 1,5 chỉ vàng 24K. Lúc sang có làm giấy tay, sau đó khi làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã nhập chung và do mẹ bà đứng tên.

Nay bà thống nhất dành riêng phần nhà và nền mộ để thờ cúng, phần đất mẹ cho bà thì bà yêu cầu được sử dụng, còn phần 05 công đất ruộng của mẹ bà, bà thống nhất giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Quốc K và ông Nguyễn Văn K1 trình bày: Ông là con của bà Huỳnh Thị B1, bà B1 chết vào năm 1994. Bà B1 có 05 người con gồm: Nguyễn Quốc K, Nguyễn Thanh C, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn K1, Nguyễn Thị H. Đối với tranh chấp về thừa kế giữa ông T và bà R ông nhường quyền thừa kế lại cho bà R.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Minh S trình bày: Ông là chồng của bà Huỳnh Thị R, ông thống nhất với lời trình bày của bà R, ông không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Thanh T3 trình bày: Ông là con của bà Huỳnh Thị R và ông Hồ Minh S. Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của bà ngoại là Phạm Thị N1, cha mẹ ông ở chung với bà N1 và canh tác từ trước khi được cấp giấy. Lúc nhà nước cấp giấy thì ông còn nhỏ nên không biết rõ. Đối với việc tranh chấp giữa ông Huỳnh Minh T và mẹ ông thì ông không có yêu cầu gì.

Ông thống nhất với ý kiến của cha mẹ ông.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện của ông Huỳnh Minh T yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của bà N1 để lại gồm các thửa đất 189, 190, 191, 193. Ông định phân đất thổ cư cho bà R tiếp tục sử dụng, ông yêu cầu được chia theo thực tế có đường đi ra lộ. Do không xác định được ranh cụ thể nên không có yêu gì về giá trị đất theo từng thửa.

Bị đơn bà Huỳnh Thị R chỉ đồng ý chia 05 công đất của bà N1, phần còn lại bà N1 cho bà. Phần bà N1 cho bà 06 công bà không đồng ý chia. Phần đất vườn bà đã trả giá trị bồi đắp cho ông T nên bà sử dụng và không đồng ý chia. Không thống nhất dành phần mộ và phần nhà làm tài sản chung.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 131/2020/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Minh T.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Huỳnh Thị R1, bà Huỳnh Thị M, bà Huỳnh Kim T1. Công nhận sự tự nguyện của bà Huỳnh Thị R1, bà Huỳnh Thị M, bà Huỳnh Kim T1 về việc nhường phần thừa kế lại cho ông Huỳnh Minh T.

Công nhận sự tự nguyện của bà Huỳnh Thị B và các ông bà Nguyễn Quốc K, Nguyễn Thanh C, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn K1, Nguyễn Thị H (thừa kế thế vị của bà Huỳnh Thị B1) về việc nhường phần thừa kế lại cho bà Huỳnh Thị R.

Ông Huỳnh Minh T được hưởng phần đất 11.140,5 m², thuộc các thửa 190, 191, 193 tờ bản đồ số 6, tại ấp E2 (theo giấy là ấp E cũ) , xã G, huyện C, tỉnh Hậu Giang. Cụ thể như sau:

Cạnh ngang trước giáp lộ xi măng có số đo là 4,00 m.

Cạnh giáp thửa 188 có số đo là 33,78m.

Đoạn ngang phía giáp thửa 188 có số đo là 1,88m.

Cạnh giáp thửa 192 có số đo là 130,37m.

Đoạn thứ hai phía giáp thửa 192 có số đo là 18,20m.

Cạnh giáp thửa 187 có số đo là 139,64m.

Cạnh giáp thửa 186 có số đo là 159,33m.

Ngang sau giáp Kênh Sườn có số đo là 31,50m.

Cạnh giáp phần còn lại của thửa 193 và 191: 430,09m.

Đoạn ngang phía giáp phần còn lại của thửa 193 có số đo là 3,00m.

Cạnh giáp thửa 190 có số đo là 33,22m.

Bà Huỳnh Thị R có nghĩa vụ di dời cây trồng ra khỏi phần đất của ông Huỳnh Minh T được hưởng.

Bà Huỳnh Thị R được hưởng phần đất có diện tích 11.143,1 m², thuộc các thửa 189, 190, 191, 193 tờ bản đồ số 6, tại ấp E2 (theo giấy là ấp E cũ), xã G, huyện C, tỉnh Hậu Giang. Cụ thể như sau:

Ngang trước giáp lộ xi măng 27,69m.

Cạnh giáp thửa 200: 30,15m.

Cạnh giáp thửa 199: 68,20m.

Cạnh giáp thửa 198: 70,77m.

Cạnh giáp thửa 196: 40,60m.

Cạnh giáp thửa 194: 253,43m.

Ngang sau giáp Kênh Sườn: 23,26m.

Cạnh giáp phía ông T (theo như số đo đã tuyên cho ông T như trên)
(có sơ đồ kèm theo).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm; Về chi phí thẩm định, định giá và trích lục hồ sơ; quyền thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 30/9/2020, bà Huỳnh Thị R kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Nội dung kháng cáo: Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết vụ việc nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu:

Về thủ tục tố tụng, từ giai đoạn thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử Tòa án cấp phúc thẩm đã tuân thủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự hủy bản án dân sự sơ thẩm, giao hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Sau khi xét xử sơ thẩm, đương sự kháng cáo trong thời hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Nguyên đơn ông Huỳnh Minh T khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của mẹ là bà Phạm Thị N1 để lại. Qua kết quả xác minh thì cụ Huỳnh Văn Đ (chết năm 1970) và cụ Phạm Thị N1 (chết năm 2011) có tất cả 08

người con gồm: Huỳnh Thanh P (đã chết), Huỳnh Thị M, Huỳnh Thị B1 (đã chết năm 1994), Huỳnh Minh T, Huỳnh Thị B, Huỳnh Thị R1, Huỳnh Thị R, Huỳnh Kim T1. Do đó, ông Huỳnh Thanh P là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này nhưng ông P đã chết, tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn và bị đơn đều cho rằng ông P không có vợ con, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn và bị đơn đều xác định ông P có vợ, hiện vẫn còn sống, còn việc ông P có con không thì không xác định được. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm cần làm rõ người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông P để đưa vào tham gia tố tụng.

[1.2]. Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông Nguyễn Quốc K, ông Nguyễn Thanh C, ông Nguyễn Văn K1, ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này là không chính xác. Bởi lẽ, ông K, ông C, ông K1, ông T2, bà H là con của bà Huỳnh Thị B1 nên những người này là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Huỳnh Thị B1.

[2]. Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh Thị R:

[2.1]. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất của cụ Phạm Thị N1 (chết năm 2011) để lại. Cụ Đ và cụ N1 có tất cả 08 người con gồm: Huỳnh Thanh P (đã chết), Huỳnh Thị M, Huỳnh Thị B1 (đã chết năm 1994), Huỳnh Minh T, Huỳnh Thị B, Huỳnh Thị R1, Huỳnh Thị R, Huỳnh Kim T1. Cụ Đ, cụ N1 chết đều không để lại di chúc.

[2.2]. Các con của hai cụ đều thừa nhận phần đất 22.780m² tọa lạc tại ấp E, xã G, huyện C, tỉnh Cần Thơ (nay là ấp E, xã G, huyện C, tỉnh Hậu Giang) do cụ Huỳnh Văn Đ và cụ Phạm Thị N1 tạo lập lúc còn sống. Tuy nhiên, khi cụ Đ còn sống thì phần đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau khi cụ Đ chết thì cụ N1 mới thực hiện thủ tục kê khai đăng ký quyền sử dụng đất đối với phần đất này và được Ủy ban nhân dân huyện C (nay là huyện C) cấp giấy chứng nhận số 00267 ngày 24/11/1997 cho hộ Phạm Thị N1. Phần đất gồm các thửa 189, 190, 191, 193, tờ bản đồ số 6, đất tọa lạc tại ấp E (nay là ấp E2), xã G, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất (bút lục số 97) không có kê khai thành viên trong hộ mà chỉ cá nhân cụ N1 đăng ký nên xác định phần đất cụ N1 được cấp quyền sử dụng tại các thửa 189, 190, 191, 193 là cấp cho cá nhân cụ N1, xác định đây là di sản thừa kế và phân chia cho hàng thừa kế của cụ N1 là không có cơ sở. Bởi lẽ, căn cứ khoản 29 Điều 3 Luật đất đai năm 2013 quy định về hộ gia đình sử dụng đất như sau: “*Hộ gia đình sử dụng đất là những người có quan hệ hôn nhân, huyết thống, nuôi dưỡng theo quy định của*

pháp luật về hôn nhân và gia đình, đang sống chung và có quyền sử dụng đất chung tại thời điểm được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất; nhận chuyển quyền sử dụng đất”. Như vậy, đất được cấp cho hộ gia đình cụ N1 thì thuộc quyền sử dụng chung của tất cả mọi thành viên trong hộ gia đình. Việc xác định những người có quyền đối với quyền sử dụng đất cấp cho hộ gia đình được căn cứ vào sổ hộ khẩu tại thời điểm được Nhà nước giao đất, công nhận quyền sử dụng đất. Căn cứ Công văn số 829/CAH-HC ngày 20/8/2019 của Công an huyện C thì vào thời điểm cụ N1 làm đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất (năm 1996) thì hộ cụ N1 có 04 nhân khẩu gồm Phạm Thị N1, Huỳnh Thị R, Hồ Thanh T3, Hồ Minh N, trong đó cụ N1 là chủ hộ đứng tên trên sổ hộ khẩu nên khi đăng ký kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì đứng tên cụ N1, nhưng với tư cách là chủ hộ gia đình. Việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định phân đất thuộc các thửa 189, 190, 191, 193 là di sản thừa kế và phân chia cho hàng thừa kế của cụ N1, mà không xem xét đến các thành viên trong hộ cụ N1 là ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của các thành viên trong hộ. Do Tòa án cấp sơ thẩm xác định không chính xác di sản thừa kế, đối tượng được hưởng di sản thừa kế, dẫn đến sai lầm trong đánh giá chứng cứ dẫn đến xác định sai nội dung cần được giải quyết của vụ án, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự trong vụ án.

[2.3]. Theo Mảnh trích đo địa chính thì phần đất tranh chấp tại vị trí số (6) là nền mộ, gồm có 04 ngôi mộ, trong đó có mộ cụ Đ, cụ N1 (cha mẹ của nguyên đơn và bị đơn); vị trí (2) là nhà tình nghĩa cấp cho cụ N1, vị trí (3), (4), (5) là nhà ở, tiệm tạp hóa, nhà kho của bà R, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không tách riêng các phần này ra mà lại gom chung thành một phần gồm cả đất và tài sản trên đất để tính là một kỷ phần thừa kế và chia kỷ phần này cho hàng thừa kế của cụ N1 là chưa giải quyết triệt để vụ án. Đồng thời, việc quyết định giao luôn phần đất đất mồ mả tại vị trí số (6) cho bà R quản lý và không mở lối đi vào mộ là không phù hợp, chưa đảm bảo quyền của các đồng thừa kế khác khi đến thăm nom và chăm sóc mồ mả của cha mẹ.

Từ những nhận định nêu trên, việc thu thập chứng cứ và chứng minh chưa được cấp sơ thẩm thực hiện đầy đủ, tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự nên cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm; chi phí thẩm định, định giá và trích lục hồ sơ: Sẽ được giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Huỳnh Thị R là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí theo quy định Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về qui định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 131/2020/DS-ST ngày 15/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Án phí dân sự sơ thẩm; chi phí thẩm định, định giá và trích lục hồ sơ cấp giấy: Chưa ai phải chịu.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Huỳnh Thị R là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí theo quy định Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 20 tháng 4 năm 2021.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND H. C;
- Chi cục THADS H. C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Văn Luông